

NGHỊ QUYẾT
về điều chỉnh, bổ sung một số mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội
năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Thái Nguyên

Để tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong điều hành phát triển kinh tế - xã hội, quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu tăng trưởng “hai con số” năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030; đẩy nhanh tiến độ thực hiện 20 Đề án trọng tâm của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh trong năm 2026, tạo tiền đề quan trọng để thực hiện thắng lợi 36 mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030. Tiếp tục ưu tiên, thúc đẩy mạnh mẽ tăng trưởng kinh tế đi đôi với đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống cho nhân dân; thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27/6/2026 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng các địa phương năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030 để thực hiện Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương, Nghị quyết số 25/2026/QH16 của Quốc hội và Nghị quyết số 109/NQ-CP của Chính phủ.

Căn cứ đề nghị của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 697-TTr/ĐU, ngày 08/7/2026; tại Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ 8, nhiệm kỳ 2025 - 2030 đã tiến thành thảo luận và quyết nghị về điều chỉnh, bổ sung một số mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

I. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2026 VÀ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giai đoạn 2026-2030	Mục tiêu năm 2026
I	VỀ KINH TẾ			
1	Tốc độ tăng trưởng các khu vực kinh tế			
1.1	Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	≥ 4	4
1.2	Khu vực công nghiệp và xây dựng	%	≥ 12,1	13,83
	- Công nghiệp	%	12,5	14,22

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giai đoạn 2026-2030	Mục tiêu năm 2026
	<i>Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo</i>	%	13,55	15,25
	- Xây dựng	%	10,52	11,02
1.3	Khu vực dịch vụ	%	≥ 9,5	10,5
	<i>Trong đó:</i>			
	- Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô...	%	13,5	14,42
	- Vận tải, kho bãi	%	12	12,5
	- Dịch vụ lưu trú và ăn uống	%	6	4,54
	- Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	%	9	9,13
	- Hoạt động chuyên môn khoa học và Công nghệ	%	11,2	11,2
1.4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	≥ 6	7,11
2	Tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đến năm 2030	%	47	35,69
3	Giá trị tăng thêm ngành chế biến, chế tạo bình quân đầu người	USD	2.920	1.810
4	Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%	15	18,5
5	Tăng trưởng giá trị kim ngạch nhập khẩu	%	16,5	20
6	Tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp văn hóa	%	10	5
7	Số lượt khách quốc tế do các cơ sở lưu trú phục vụ	Triệu lượt	≥ 1	0,36
8	Tỉ lệ DN có hoạt động đổi mới sáng tạo / tổng số DN trên địa bàn đến năm 2030	%	≥ 40	25
9	Tăng trưởng điện thương phẩm bình quân	%	7,64	8,18
10	Số doanh nghiệp đang hoạt động đến năm 2030	Nghìn DN	36	15
11	Tỉ lệ đô thị hóa đến năm 2030	%	>55	48,26
II	VỀ VĂN HÓA, XÃ HỘI			
12	Tỉ lệ lao động có kỹ năng CNTT đến năm 2030	%	90	70
13	Tỉ trọng quy mô đào tạo các ngành STEM	%	40	40
14	Tỉ lệ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động đến năm 2030	%	50	22
15	Tỉ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe hằng năm	%	100	100

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giai đoạn 2026-2030	Mục tiêu năm 2026
III	VỀ MÔI TRƯỜNG, THÍCH ỨNG BĐKH			
16	Tỉ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông (%)	%	45	40
17	Tỉ lệ cơ sở SXKD đạt quy chuẩn về môi trường	%	98	94
18	Tỉ lệ DN công nghiệp áp dụng giải pháp tiết kiệm năng lượng tiết kiệm, hiệu quả đến năm 2030	%	100	100

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, cấp ủy, chính quyền các cấp căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nội dung Nghị quyết này để xác định các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2026 của cấp mình, xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai cụ thể các nhiệm vụ, giải pháp nhằm thực hiện tốt mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết đề ra, phân đấu hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội ở mức cao nhất. Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết, đánh giá các chương trình, đề án đã được cấp ủy, chính quyền thông qua.

2. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện hồ sơ, văn bản bảo đảm đầy đủ, chặt chẽ, đúng quy định, tiếp tục trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung một số mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Thái Nguyên theo thẩm quyền; chỉ đạo xây dựng kế hoạch cụ thể đối với từng cấp, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ để tổ chức thực hiện, phân đấu đạt và vượt các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra tại Nghị quyết này.

3. Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh chỉ đạo:

3.1. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh rà soát kỹ lưỡng, xem xét, quyết định theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm theo quy định; thể chế hóa đầy đủ, kịp thời chủ trương của Đảng, bảo đảm tiến độ, chất lượng các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết này và các Nghị quyết của Tỉnh ủy; triển khai hiệu quả các luật và các quy định pháp luật có liên quan được Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương mới ban hành, cụ thể hóa bằng các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3.2. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc tỉnh chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh có kế hoạch tổ chức thực hiện và tuyên truyền, vận động nhân dân, tổ chức tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết.

4. Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy theo chức năng, nhiệm vụ và theo sự phân công của Ban Thường vụ Tỉnh ủy có trách nhiệm giúp Tỉnh ủy theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết này theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (*báo cáo*);
- Các ban xây dựng Đảng Trung ương (*báo cáo*);
- Văn phòng Trung ương Đảng (*báo cáo*);
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

NguyenNhatMinh-220

**T/M BAN CHẤP HÀNH
BÍ THƯ**



Trịnh Xuân Trường